

**SỞ GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO HƯNG YÊN
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG ĐỨC HỢP**



SÁNG KIẾN

**TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH SOẠN THẢO
VĂN BẢN THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CHO HỌC SINH LỚP 10**

Môn: Tin học

Tác giả: Đinh Thị Miên

Chức vụ: Giáo viên

Tài liệu kèm theo: 01 đĩa CD

Năm học: 2018 - 2019

DANH MỤC CHỮ CÁI VIẾT TẮT

HS	Học sinh
CNTT	Công nghệ thông tin
SGK	Sách giáo khoa
ND	Nội dung
PPCT	Phân phối chương trình
CNTT&TT	Công nghệ thông tin và truyền thông

DANH MỤC CÁC BẢNG DÙNG TRONG SÁNG KIẾN

Các bảng dùng trong sáng kiến	Trang
<i>Bảng 1. Bảng khảo sát về mức độ phù hợp, hứng thú của học sinh với nội dung thực hành trong SGK</i>	14
<i>Bảng 2: Khảo sát về mức độ hứng thú của học sinh với hoạt động thực hành – lớp không áp dụng thực nghiệm</i>	47
<i>Bảng 3: Khảo sát về mức độ hứng thú của học sinh với hoạt động thực hành – lớp thực nghiệm</i>	47
<i>Bảng 4: Một số kỹ năng CNTT của học sinh trước khi áp dụng sáng kiến</i>	48
<i>Bảng 5: Một số kỹ năng CNTT của học sinh sau khi áp dụng sáng kiến</i>	48
<i>Bảng 6: Kết quả kiểm tra 45 phút của lớp đối chứng</i>	48
<i>Bảng 7: Kết quả kiểm tra 45 phút của lớp thực nghiệm</i>	49

MỤC LỤC

PHẦN I. MỞ ĐẦU	8
1. Lí do chọn đề tài	8
2. Mục đích nghiên cứu	8
3. Nhiệm vụ nghiên cứu	9
4. Kế hoạch nghiên cứu	9
5. Phương pháp nghiên cứu	9
6. Giả thuyết khoa học	10
7. Giới hạn đề tài	10
8. Thời gian hoàn thành	10
PHẦN II. NỘI DUNG	11
1. CƠ SỞ LÝ LUẬN	11
1.1 VỀ DẠY HỌC ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC	11
1.1.1 Về mục tiêu dạy học	11
1.1.2 Về phương pháp dạy học	11
1.1.3 Về nội dung dạy học	11
1.1.4 Về kiểm tra - đánh giá	11
1.2 NĂNG LỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	12
2. THỰC TRẠNG	14
3. GIẢI PHÁP	14
3.1 Tiến trình thực hiện	14
3.1.1 Hoạt động thực hành theo chủ đề tự chọn	15
3.1.2 Hoạt động thực hành trên lớp	44
3.2 Khả năng ứng dụng	46
3.3 Lợi ích của sáng kiến	46

4. THỰC NGHIỆM	47
4.1 Kết quả điều tra về mức độ hứng thú của các em với hoạt động thực hành nội dung Microsoft Word	47
4.2 Kết quả điều tra về kỹ năng sử dụng CNTT trước và sau khi thực hiện hoạt động thực hành theo chủ đề tự chọn	47
4.3 Kết quả thử nghiệm với bài kiểm tra thực hành	48
PHẦN III. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	50
1. KẾT LUẬN	50
2. KHUYẾN NGHỊ	50
TÀI LIỆU THAM KHẢO	52

PHẦN LÍ LỊCH

- Họ và tên: Đinh Thị Miên

- Chức vụ: Giáo viên

- Đơn vị công tác: Trường THPT Đức Hợp

- Tên sáng kiến kinh nghiệm: **“Tổ chức hoạt động thực hành soạn thảo văn bản theo hướng phát triển năng lực công nghệ thông tin cho học sinh lớp 10”**.

PHẦN I. MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Hiện nay, ngành giáo dục đang thực hiện việc đổi mới rất mạnh mẽ về nội dung và phương pháp dạy học ở bậc trung học phổ thông gắn với phát huy năng lực học sinh. Một trong các năng lực mà giáo viên cần hướng tới cho học sinh đó là năng lực CNTT. Năng lực này là rất cần thiết đối với việc đổi mới giáo dục hiện nay. Với sự phát triển mạnh mẽ về công nghệ thông tin và truyền thông trong những năm gần đây nội dung chương trình học tập môn tin học 10 đặc biệt đối với chương III - soạn thảo văn bản khi giảng dạy học sinh học tập có phần đơn điệu, nhàm chán do phần lớn học sinh qua việc sử dụng điện thoại thông minh và được trang bị máy tính cá nhân đã biết đến nội dung soạn thảo văn bản, đồng thời nội dung thực hành trong sách giáo khoa còn nghèo nàn, chưa hấp dẫn, thiếu tính thời sự.

Vì vậy, với mong muốn phát huy năng lực CNTT, phát huy sự tìm tòi sáng tạo của học sinh, sự yêu thích hứng thú với bộ môn từ đó giúp các em học tập tốt hơn và vận dụng hiệu quả các kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống, tôi xin được giới thiệu sáng kiến “tổ chức hoạt động thực hành soạn thảo văn bản theo hướng phát triển năng lực CNTT cho học sinh lớp 10”. Sản phẩm thực hành của các em không chỉ đã sử dụng các kiến thức đã học về bộ môn mà còn giúp các em thể hiện được những quan điểm, những cách nhìn của bản thân về các vấn đề của xã hội từ đó các em thấy được lợi ích cũng như ảnh hưởng của các vấn đề đó để điều chỉnh bản thân cũng như chia sẻ với những người xung quanh.

2. Mục đích nghiên cứu

Tìm ra một phương pháp để kiểm tra mức độ hiểu biết của học sinh về các nội dung học tập đã tìm hiểu.

Tìm ra một phương pháp nhằm phát huy được năng lực CNTT, phát huy sự tìm tòi sáng tạo, tạo cơ hội cho học sinh thể hiện quan điểm của mình về một số vấn đề bức xúc của xã hội hiện nay, tạo được hứng thú và lôi cuốn học sinh tham gia nghiên cứu học tập.

3. Nhiệm vụ nghiên cứu

Tìm hiểu cơ sở lí luận chung của dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh.

Tìm ra một số nội dung có thể áp dụng để dạy học phát huy năng lực công nghệ thông tin của học sinh.

4. Kế hoạch nghiên cứu

Năm học 2017 – 2018 khi dạy chương trình lớp 10, dạy tới phần "Soạn thảo văn bản" đối với nội dung thực hành tôi đã thực hiện chia nhóm các học sinh trong lớp sau đó cho các nhóm tự lựa chọn một chủ đề đang là mối bức xúc, lo ngại của xã hội từ đó các em viết bài và sử dụng các kiến thức đã được học về soạn thảo văn bản để trình bày ý kiến của mình, đồng thời báo cáo nội dung tìm hiểu của nhóm (bài báo cáo được xây dựng trên powerpoint – do các em tự thiết kế). Tôi thấy học sinh của mình hứng thú học tập và tìm hiểu hơn rất nhiều.

Đến năm học 2018 – 2019 tôi được phân công dạy tin học 10, vì vậy tôi lên kế hoạch và quyết định thực hiện đề tài này trong năm học 2018 – 2019. Cụ thể như sau:

+ Tháng 11, 12/2018: Nghiên cứu cơ sở lí thuyết về dạy học định hướng phát triển năng lực học sinh, năng lực sử dụng CNTT của học sinh.

+ Tháng 1/2019 đến tháng 3/2019: Áp dụng vào quá trình giảng dạy.

5. Phương pháp nghiên cứu

- Nghiên cứu tài liệu;
- Khảo sát điều tra từ thực tế dạy và học;
- Tổng hợp so sánh, rút kinh nghiệm;
- Trao đổi với đồng nghiệp, tham khảo ý kiến giáo viên cùng bộ môn, trao đổi với các giáo viên trên một số diễn đàn: *Diễn đàn sáng tạo giáo dục, diễn đàn dạy học tích cực*;
- Liên hệ thực tế trong nhà trường, áp dụng rút kinh nghiệm qua quá trình giảng dạy;

- Thông qua việc giảng dạy trực tiếp ở các lớp khối 10 trong năm học từ 2017 đến nay.

6. Giả thuyết khoa học

Nếu đề tài được thực hiện sẽ góp phần phát huy hứng thú học tập bộ môn từ đó nâng cao năng lực CNTT của học sinh, học sinh có cơ hội thể hiện được quan điểm, tiếng nói của mình về các vấn đề quan tâm. Qua đó kích thích tạo hứng thú học tập, niềm đam mê, yêu thích với bộ môn, nâng cao kết quả học tập của học sinh.

7. Giới hạn đề tài

Trong giới hạn đề tài, tôi đưa cách thức tổ chức hoạt động thực hành soạn thảo văn bản nhằm phát huy tối đa năng lực công nghệ thông tin cho học sinh.

8. Thời gian hoàn thành

Sau gần một năm nghiên cứu, tìm tòi, thực hiện và rút kinh nghiệm thực tế trong quá trình triển khai dạy ở các lớp, tôi đã hoàn thành đề tài.

PHẦN II. NỘI DUNG

1. CƠ SỞ LÝ LUẬN

1.1 VỀ DẠY HỌC ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

1.1.1 Về mục tiêu dạy học

Mục tiêu kiến thức: ngoài các yêu cầu về mức độ như nhận biết, tái hiện kiến thức cần có những mức độ cao hơn như vận dụng kiến thức trong các tình huống, các nhiệm vụ gắn với thực tế. Với các mục tiêu về kỹ năng cần yêu cầu học sinh đạt được ở mức độ phát triển kỹ năng thực hiện các hoạt động đa dạng. Các mục tiêu này đạt được thông qua các hoạt động trong và ngoài nhà trường.

1.1.2 Về phương pháp dạy học

Ngoài cách dạy học thuyết trình cung cấp kiến thức cần tổ chức hoạt động dạy học thông qua trải nghiệm, giải quyết những nhiệm vụ thực tiễn. Như vậy thông thường, qua một hoạt động học tập, học sinh sẽ được hình thành và phát triển không phải một loại năng lực mà là được hình thành đồng thời nhiều năng lực. Có nhiều năng lực cần hình thành và phát triển cho học sinh trong dạy học như: năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tự quản lí, năng lực sử dụng CNTT và truyền thông, năng lực ngôn ngữ, năng lực tính toán.

1.1.3 Về nội dung dạy học

Cần xây dựng các chuyên đề dạy học tích hợp liên môn góp phần thực hiện mục tiêu của chương trình giáo dục phổ thông.

Cần xây dựng các hoạt động, chủ đề, nhiệm vụ đa dạng gắn với thực tiễn.

1.1.4 Về kiểm tra - đánh giá

Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức và kỹ năng thực hiện nhiệm vụ của học sinh dựa vào chuẩn năng lực.

Đánh giá sự hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh, quan sát các biểu hiện trong quá trình học tập, sinh hoạt và tham gia các hoạt động tập thể

đề nhận xét sự hình thành và phát triển một số phẩm chất, năng lực của học sinh; từ đó động viên, khích lệ, giúp học sinh phát hiện khó khăn; phát huy ưu điểm và các phẩm chất, năng lực riêng; điều chỉnh hoạt động, ứng xử để tiến bộ.

Khuyến khích, hướng dẫn học sinh tự đánh giá và tham gia nhận xét, góp ý bạn, nhóm bạn: Học sinh tự rút kinh nghiệm ngay trong quá trình thực hiện từng nhiệm vụ học tập, hoạt động giáo dục khác; trao đổi với giáo viên để được góp ý, hướng dẫn; Học sinh tham gia nhận xét góp ý bạn, nhóm bạn ngay trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập môn học và hoạt động giáo dục; thảo luận, hướng dẫn, giúp đỡ bạn hoàn thành nhiệm vụ.

Dựa vào công văn số 1444/SGDĐT-GDTrH ngày 28/8/2018 hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2018 – 2019, đổi mới kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh. Chú trọng đánh giá trong quá trình dạy học: đánh giá trên lớp; đánh giá bằng hồ sơ; đánh giá bằng nhận xét; bổ sung hình thức đánh giá thông qua sản phẩm dự án, bài thuyết trình (bài viết, bài trình chiếu, video clip, ...) về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập. Giáo viên có thể sử dụng các hình thức đánh giá nói trên thay cho các bài kiểm tra hiện hành.

1.2 NĂNG LỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Đối với HS, năng lực sử dụng CNTT thể hiện ở hai mức độ sau:

Mức độ cơ bản: là khả năng nhận biết, thao tác với các phần mềm, thiết bị CNTT & TT. Mức độ này bao gồm các kỹ năng sau:

- Sử dụng máy tính để học tập (có hướng dẫn).
- Sử dụng tài nguyên máy tính (sách điện tử, phần mềm giáo dục, bách khoa toàn thư trực tuyến...) để hỗ trợ học tập.
- Sử dụng công cụ phù hợp (phần mềm xử lý văn bản, máy ảnh kỹ thuật số, phần mềm vẽ) để thể hiện ý tưởng, trình bày suy nghĩ và minh họa câu truyện.
- Truy cập website để tìm kiếm, thu thập thông tin nhằm hỗ trợ học tập với sự giúp đỡ của GV hoặc người khác.

- Tham gia các lớp học trên mạng.
- Tự đánh giá kiến thức của mình bằng các phần mềm trắc nghiệm.
- Chia sẻ thông tin với GV, bạn bè qua mạng.
- Biết sử dụng các phần mềm công cụ như Microsoft Office Word, Powerpoint, ...dưới sự hướng dẫn của GV hoặc người khác.

Mức độ nâng cao: là khả năng cá nhân hóa công cụ, thiết bị, phần mềm để hỗ trợ thuận lợi cho công việc của bản thân bao gồm cả việc học tập và nghiên cứu. Mức độ này thể hiện ở các kỹ năng sau:

- Sử dụng Internet hiệu quả (không có sự hỗ trợ của người khác) để truy cập thông tin, tìm kiếm thông tin hỗ trợ học tập của chính bản thân.
- Tìm kiếm, xác định công nghệ nào là hữu ích và lựa chọn công cụ công nghệ thích hợp cho các nhiệm vụ học tập khác nhau.
- Biết đánh giá, xử lý, tổng hợp thông tin mà không cần sự hỗ trợ của GV.
- Thành thạo trong việc sử dụng các phần mềm, công cụ công nghệ như Microsoft Office Word, Powerpoint,.....
- Hợp tác với bạn bè trong nhóm, trong lớp để hoàn thành các nhiệm vụ học tập với sự trợ giúp của công nghệ.

Kỹ năng sử dụng CNTT phục vụ cho hoạt động học tập chủ yếu nhất bao gồm:

- Nhóm kỹ năng sử dụng các phần mềm học tập bao gồm khả năng vận dụng các kiến thức về phần mềm soạn thảo văn bản Microsoft Word, trình chiếu Microsoft Powerpoint, biên tập ảnh, video, ấn phẩm như Microsoft Office Publisher, phần mềm bản đồ tư duy ImindMap... để phục vụ vào công việc học tập.
- Nhóm kỹ năng về sử dụng mạng máy tính bao gồm khả năng duyệt web, gửi thư điện tử, trao đổi thông tin qua chat, forum, mạng xã hội, lớp học ảo..., nhằm xem, nghe, đọc, viết cũng như gửi và nhận, tìm kiếm, tổng hợp thông tin, đào tạo trực tuyến trên mạng Internet.

2. THỰC TRẠNG

Học đi đôi với hành, do vậy thực hành là một hoạt động rất quan trọng đối với các môn học đặc biệt là đối với bộ môn Tin học nội dung “Soạn thảo văn bản”. Tôi đã thực hiện khảo sát về sự phù hợp và mức độ hứng thú của HS với nội dung thực hành trong SGK ở học sinh một số lớp 10 năm học 2017 – 2018 kết quả thu được như sau:

Tổng số có 155 học sinh khảo sát trong đó có 109 em chiếm tỷ lệ 70,32% cho rằng nội dung thực hành quá dễ và 96 học sinh chiếm tỷ lệ 61,93% không có hứng thú với nội dung thực hành trong SGK.

Lớp	Số số	Sự phù hợp của ND thực hành trong SGK			Mức độ hứng thú với ND thực hành trong SGK		
		Quá sức	Phù hợp	Quá dễ	Hứng thú	Bình thường	Không hứng thú
10A1	45	0	8	37	0	13	32
10A5	36	0	12	24	2	11	23
10A6	32	0	11	21	2	11	19
10A7	42	0	15	27	3	17	22

Bảng 1. Bảng khảo sát về mức độ phù hợp, hứng thú của học sinh với nội dung thực hành trong SGK

3. GIẢI PHÁP

3.1 Tiến trình thực hiện

Thay vì chỉ có hoạt động thực hành trong các giờ thực hành theo PPCT như trước đây, nay tôi đã tổ chức hoạt động thực hành dưới hai hình thức đó là: hoạt động thực hành theo chủ đề tự chọn (các em sẽ làm việc theo nhóm tại nhà, sau đó báo cáo kết quả trên lớp, các nhóm được tham gia vấn đáp, góp ý) và hoạt động thực hành trên lớp.

3.1.1 Hoạt động thực hành theo chủ đề tự chọn

Khi bắt đầu tìm hiểu về nội dung soạn thảo văn bản, tôi đã cho các nhóm (nhóm lớn – theo các tổ) ở mỗi lớp tìm kiếm lựa chọn chủ đề của nhóm mình (các chủ đề lựa chọn cần thể hiện tính thời sự của xã hội, của địa phương, cần mang tính giáo dục đạo đức học sinh), với mỗi chủ đề lựa chọn các em tìm kiếm tài liệu và sử dụng các kiến thức đã học để soạn thảo văn bản. Mục đích sau mỗi chủ đề các em sẽ rút ra được bài học để điều chỉnh bản thân theo hướng tích cực.

Hoạt động này sẽ lấy ra 2 tiết thực hành để các nhóm báo cáo kết quả.

Hoạt động thực hành theo chủ đề tự chọn được chia làm 2 phần:

Phần 1: Các nhóm làm việc tại nhà

- Thời gian và công việc cụ thể của các nhóm theo kế hoạch như sau:

Thứ tự	Thời gian thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian, cách thức nộp sản phẩm
1	Từ 7/1/2019 đến 12/1/2019	Lựa chọn chủ đề	- Ngày 12/1/2019 - Nhóm trưởng trực tiếp báo cáo
2	Từ 14/12/2019 đến 19/1/2019	- Thảo luận, tìm kiếm, sưu tầm tài liệu về chủ đề đã chọn - Phân công công việc của các thành viên	- Ngày 19/01/2019 - Qua thư điện tử
3	Từ 21/01/2019 đến 26/01/2019	Sử dụng Microsoft Word gõ văn bản	- Ngày 26/1/2019 - Qua thư điện tử
4	Từ 28/01/2019 đến 01/02/2019	Trình bày văn bản	- Ngày 01/02/2019 - Qua thư điện tử
5	Từ 11/02/2019 đến 16/2/2019	Thiết kế báo cáo về kết quả thực hiện chủ đề trên Powper Point	- Ngày 16/02/2019 - Qua thư điện tử

- Trong quá trình các em hoàn thiện chủ đề, tôi đã giúp đỡ các em nếu các em gặp khó khăn.

Phần 2: Các nhóm báo cáo về chủ đề trong giờ thực hành tại phòng học của lớp

- Tôi tổ chức cho các nhóm gấp thăm thứ tự báo cáo;
- Từ 18/02/2019 đến 2/3/2019 tôi tổ chức cho các nhóm báo cáo về chủ đề của nhóm;
- Các bạn trong lớp được tham gia góp ý, phỏng vấn các nhóm báo cáo;
- Giáo viên nhận xét, rút kinh nghiệm và đánh giá kết quả.

Tôi đã tiến hành thực hiện ở lớp 10A1 và 10A8

a. Danh sách các chủ đề và bài viết của các nhóm

STT	Lớp	Nhóm	Tên chủ đề
1	10A8	1	Thực phẩm bản – cơn ác mộng cần đến hội kết
2	10A8	2	Tai nạn giao thông dịp tết Kỷ Hợi
3	10A1	1	Bạo lực học đường
4	10A1	2	Người khuyết tật

Sau khi tìm kiếm và sưu tầm tài liệu, học sinh đã sử dụng Microsoft Word để gõ và trình bày văn bản

CHỦ ĐỀ: “THỰC PHẨM BẢN – CƠN ÁC MỘNG CẦN ĐẾN HỘI KẾT”

Cuộc sống hằng ngày của mỗi chúng ta luôn cần đến nguồn lương thực - thực phẩm cung cấp năng lượng cho cơ thể hoạt động. Vì vậy, lương thực - thực phẩm trở thành một thứ vô cùng cần thiết và không thể thiếu trong cuộc sống của con người. Các lương thực chủ yếu mà chúng ta thường dùng nhiều trong các bữa ăn như: Gạo, trứng, thịt, rau, củ, quả... Đây là những lương thực - thực phẩm rất đỗi quen thuộc với tất cả chúng ta. Trong chúng có chứa rất nhiều Vitamin, Prôtêin và nhiều chất dinh dưỡng khác giúp cơ thể sinh trưởng và phát triển tốt.



Hình 1. Các lương thực - thực phẩm thường dùng

Tuy nhiên, hiện nay giá trị của những loại lương thực - thực phẩm như thế đang bị một số người dân lợi dụng để làm những điều vô nhân đạo và làm hại đến những người xung quanh. Điều này đang được cả cộng đồng quan tâm đến. Đó chính là “*thực phẩm bẩn*”.

Vậy thì hiện trạng này đã và đang diễn biến ra sao? Nguyên nhân của hiện trạng này là do đâu? Những hậu quả gây ra là như thế nào? Và từ đó chúng ta cần có những biện pháp gì để khắc phục nó?

I. Tổng quan

*Sơ đồ khái quát:



II. Nội dung chi tiết

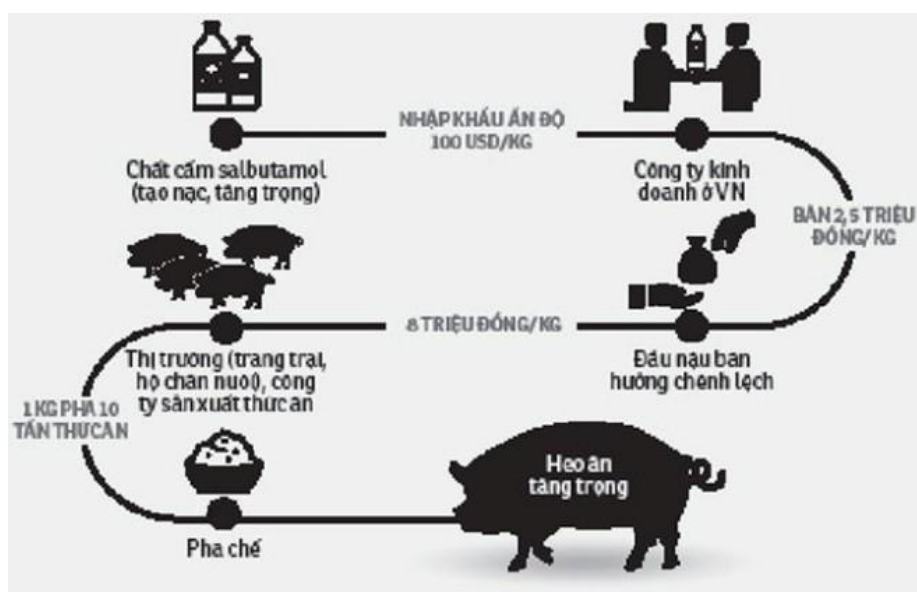
1. Thực trạng

- Sử dụng chất vàng ô để nhuộm màu măng, giúp măng được lâu hơn



Hình 2. Thuốc vàng ô để nhuộm màu măng

- Trong chăn nuôi sử dụng chất cấm: Hoocmôn tăng trưởng, chất tạo nạc, thuốc gây ngủ, bơm nước...



Hình 3. Chất cấm trong chăn nuôi

- Thu mua, kinh doanh thực phẩm không rõ nguồn gốc, xuất xứ



Hình 4. Thu mua thực phẩm không rõ nguồn gốc, xuất xứ

- Dùng phẩm màu để sản xuất thực phẩm



Hình 5. Dùng hóa chất nhuộm vải công nghiệp nhuộm ruốc tôm gây ung thư

- Axit pha thành giấm



Hình 6. Axit pha loãng thành giấm

- Sử dụng chất bảo vệ thực vật không hợp lí



Hình 7. Chất bảo vệ thực vật.

2. Nguyên nhân

Mỗi một hiện tượng, sự việc đều có nguyên nhân của nó. Vậy thì hiện tượng trên nguyên nhân là do đâu? Câu trả lời chính là:

- Do sự ham muốn lợi nhuận của người bán: Họ chỉ nghĩ đến cái lợi trước mắt mà không nghĩ đến hậu quả lâu dài.
- Do bản chất của người Việt Nam luôn muốn mua đồ rẻ tiền.
- Do họ chưa hiểu hết được về hậu quả của việc mua - bán - sử dụng thực phẩm bẩn.
- Bất cập trong kiểm tra, quản lí chất lượng.

3. Hậu quả

- Tình trạng mua - bán - sử dụng thực phẩm bẩn sẽ để lại nhiều hậu quả không ngờ đến với tất cả mọi người:
- Trước hết nó gây tâm lí hoang mang cho người sử dụng: Họ không biết đi đâu để mua được loại thực phẩm an toàn. Tiếp đến là nó gây ảnh hưởng đến sức khỏe của người sử dụng: Nó sinh ra nhiều bệnh như: Ung thư, tim mạch,...



Hình 8. Bệnh do thực phẩm bẩn gây ra

- Ảnh hưởng nghiêm trọng đến nòi giống dân tộc. Bởi vì: Sự ảnh hưởng về sức khỏe mang tính di truyền từ thế hệ này sang thế hệ sau sẽ khiến Việt Nam phải đối mặt với một thực tế là trẻ em sinh ra không có một cơ thể khỏe mạnh, không có một trí tuệ sáng suốt để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Đối với những cá nhân, tập thể kinh doanh thực phẩm bẩn: Họ sẽ làm mất niềm tin của người tiêu dùng vào những sản phẩm của mình. Mà nếu mất đi niềm tin là mất tất cả. Nguy hại hơn là khi người tiêu dùng quay lưng lại với sản phẩm hàng hóa của Việt Nam, có nghĩa là sản phẩm của Việt Nam sản xuất ra không có người mua. Từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc làm ăn, kinh doanh của các cá nhân, công ty nước ngoài dẫn đến nền sản xuất trong nước gặp nhiều khó khăn: Hiện nay số lượng lớn người tiêu dùng đã rất dễ dàng sử dụng hàng hóa của Thái Lan, Nhật Bản,... khi nước ta hội nhập sâu vào cộng đồng ASEAN. Sắp tới sẽ có hàng hóa của nhiều quốc gia khác vào Việt Nam, người tiêu dùng sẽ có nhiều lựa chọn hơn và hàng hóa Việt Nam càng bị “xuống dốc” trầm trọng.

Vậy: **“Cần làm gì để hạn chế tình trạng này, bảo vệ sức khỏe cho mọi người?”**

4. Biện pháp đề xuất

- Tăng cường kiểm soát, quản lý chặt chẽ các khâu trong sản xuất và kinh doanh thực phẩm.



Hình 9. Tăng cường kiểm tra, quản lý

- Nâng cao ý thức của người dân trong việc sản xuất và sử dụng thực phẩm, giúp họ nhận thức được hậu quả trước mắt và lâu dài của thực phẩm bẩn.
- Cái gốc của vấn đề là ở chỗ mỗi con người cần được giáo dục và hiểu về giá trị của đạo đức con người, của tính trung thực, của nòi giống dân tộc ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường.

Để có thể hiểu rõ hơn, thầy cô cùng các bạn có thể theo dõi video nói về thực phẩm bẩn theo link dưới đây:

<https://youtu.be/D-jsz17npDA>

--- HẾT ---

CHỦ ĐỀ: “TAI NẠN GIAO THÔNG DỊP TẾT KỶ HỢI”

1. Thực trạng

Trong dịp nghỉ Tết Nguyên Đán năm 2019, mặc dù các nội dung cảnh báo về hậu quả về việc tham gia giao thông sau khi sử dụng rượu bia rất nhiều nhưng số vụ tai nạn giao thông do rượu bia gây ra vẫn là một con số đáng buồn. Nó khiến nhiều gia đình vẫn chưa thực sự được hưởng cái Tết trọn vẹn, yên vui.

Tết đến xuân về, trong không khí tung bừng chào đón năm mới, người người nhà nhà đều tấp lập trên khắp nẻo đường cùng nhau đi chơi, chúc tết người thân, bạn bè, đồng nghiệp... Bên cạnh những hình ảnh xuân tươi đẹp như thế, những niềm vui đầu năm như vậy lại có những hành vi, việc làm rất thiếu ý thức và rất đáng bị phê phán: có những người tham gia giao thông nhưng không đội mũ bảo hiểm; đi đánh võng, lạng lách gây hỗn loạn trên đường; xe chở kẹp ba kẹp bốn; phóng nhanh vượt ẩu; đi ngược chiều; đi sai làn đường; vượt đèn đỏ khiến cho tình hình trật tự giao thông ngày Xuân trở nên rất phức tạp.



Đặc biệt, còn có những người không làm chủ được tay lái rồi đâm liên tiếp vào những phương tiện xung quanh hoặc vào người đi đường, thậm chí là đâm vào các hàng quán, nhà cửa bên đường.



2. Nguyên nhân

Vậy tất cả là do đâu? Đó có lẽ là một câu hỏi mà ai trong mỗi chúng ta đều thắc mắc. Và câu trả lời đầu tiên là do truyền thống của người Việt trong những ngày đầu năm đều muốn chúc nhau chén rượu nồng mong cho người thân gặp nhiều may mắn. Không chỉ có vậy, trong các bữa tiệc rượu này họ còn lấy đủ lí do để uống rượu: đúng cũng uống, sai cũng uống, thưởng cũng cạn mà phạt thì cũng hết ly,... Họ nghĩ ngày Xuân vui vẻ nên tự cho phép bản thân mình uống nhiều hơn một chút nhưng cũng có nhiều người vì tâm lí cả nể, ham vui nên mới uống. Điều đó dẫn đến số vụ tai nạn trong những ngày Tết tăng gấp đôi, gấp ba so với những ngày bình thường.



Bên cạnh đó là do ý thức của người tham gia giao thông kém cùng với sự chủ quan khi tham gia giao thông,... Đồng thời, họ cũng không ý thức được hậu quả xảy ra, coi thường lời khuyên bảo và cảnh báo của mọi người xung quanh, không kiểm soát được bản thân. Không chỉ vậy họ còn không có bản lĩnh trước

những thứ mình thích - rượu, bia. Vì vậy có thể thấy rất rõ rượu bia là nguyên nhân quan trọng nhất gây tai nạn giao thông, là nguyên nhân của khoảng 40% số vụ tai nạn giao thông trong dịp Tết.



3. Hậu quả

Cuối cùng thì nó đã để lại một hậu quả vô cùng nghiêm trọng đối với đất nước, đối với từng cá nhân - “khi không còn tiếng súng, tiếng đạn trên đất nước Việt Nam nhưng vẫn có người chết trong mỗi ngày”, hơn nữa lại là những ngày Tết đầu xuân. Theo báo cáo của Văn phòng Bộ Công an, trong 9 ngày nghỉ Tết Kỳ Hợi, toàn quốc xảy ra 276 vụ tai nạn giao thông làm chết 183 người, bị thương 241 người. Trong đó: đường bộ xảy ra 274 vụ tai nạn giao thông làm chết 181 người, bị thương 241 người; đường sắt xảy ra 2 vụ tai nạn giao thông làm chết 2 người; đường thủy không xảy ra TNGT. Xảy ra 01 vụ TNGT đặc biệt nghiêm trọng ngày 08/2/2019 trên QL1A, đoạn qua xã Hoàng Quỳ, huyện Hoàng Hóa, Thanh Hóa giữa ô tô khách BKS 98B-022.66 và ô tô con BKS 36B-2286; hậu quả làm 3 người trên xe ô tô con thiệt mạng, 5 người bị thương.

Theo báo cáo của Cục Quản lý khám chữa bệnh, Bộ Y tế (Thông tin do người đưa nạn nhân vào cấp cứu cung cấp cho các cơ sở Y tế, chưa xử lý số liệu trùng lặp do chuyển tuyến), tình hình khám, cấp cứu tai nạn giao thông sau 8 ngày nghỉ Tết, tính từ 7 giờ sáng ngày 2/2 đến 7 giờ sáng ngày 9/2/2019, đã có 45.622 ca khám, cấp cứu tai nạn giao thông, chiếm 14,3% trong tổng số khám, cấp cứu trong dịp Tết, trong đó, 16.687 trường hợp phải nằm viện điều trị, theo dõi và 187 trường hợp tử vong tại các bệnh viện.



Điều đó gây thiệt hại lớn cả về kinh tế và tài sản cho đất nước. Nó để lại nỗi đau thương mất mát cho bao nhiêu gia đình, cho biết bao con người phải gánh vác nỗi đau nặng nề từ sự mất mát người thân. Biết bao đứa trẻ lớn lên mà phải thiếu vắng tình yêu thương, hình bóng của người cha, người mẹ. Và hơn thế là hình ảnh ông bà già yếu, ở cái tuổi gần đất xa trời mà vẫn phải gồng mình lên để nuôi những đứa trẻ mồ côi. Bao gia đình khánh kiệt tài sản khi có người thân bị tai nạn giao thông, chết vì tai nạn. Đặc biệt, nó trở thành nỗi ám ảnh đau thương cho những người còn ở lại. Như vậy, nó đã gây tổn thất nặng nề và cản trở cơ hội phát triển của đất nước ta.



4. Biện pháp khắc phục

Để khắc phục và hạn chế những hậu quả đáng tiếc xảy ra, mỗi cá nhân phải tự nâng cao ý thức trong việc tham gia giao thông an toàn và tự nâng cao những hiểu biết về luật an toàn giao thông. Đồng thời, chúng ta hãy tuyên truyền chia sẻ với mọi người về hậu quả đau thương của tai nạn giao thông. Không chỉ vậy, phía cơ quan chức năng thì cần xử phạt nghiêm trọng những trường hợp vi phạm (vì thực tế hành động này chưa thực hiện nghiêm túc ở mọi lúc mọi nơi). Đặc biệt, chúng ta hãy ghi nhớ: sau khi uống rượu bia không nên tham gia giao thông hoặc hạn chế liều lượng, tỉ lệ men ít nhất có thể khi tham gia giao thông.

Là học sinh, chúng ta cũng tham gia giao thông hằng ngày, cho nên bản thân cần phải tuân thủ đúng quy định về ATGT, có những hành động việc làm cụ

thể như: đội mũ bảo hiểm khi đi xe đạp điện và ngồi trên xe máy, tuyệt đối không điều khiển xe máy, đi xe không được dàn hàng ngang, chú ý quan sát tránh va chạm đáng tiếc. Là người con, người cháu trong gia đình, ta cũng có thể tham gia đóng góp ý kiến để mọi người tham gia giao thông an toàn.

Như vậy, tất cả chúng ta đều trông thấy hậu quả khôn lường cũng như những mất mát là không đo đếm được mà tai nạn giao thông gây ra, đặc biệt trong dịp tết đến xuân về, chúng ta mang trái tim con người, biết đau xót cảm thương, chúng ta đủ sáng suốt và quyết tâm, hãy hành động ngay bởi thảm cảnh đen tối nơi đây đang không ngừng đe dọa cuộc sống - tương lai của mỗi người!



--- HẾT ---

CHỦ ĐỀ: “BẠO LỰC HỌC ĐƯỜNG”

I. Thực trạng

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường, giáo dục đào tạo ngày càng có chất lượng cao về tri thức. Bên cạnh những mặt tích cực của nền giáo dục, bạo lực học đường đang trở thành vấn đề nhức nhối trong toàn ngành giáo dục. Khi nhắc tới bạo lực học đường, bạn nghĩ ngay đến việc các bạn nam sinh đánh nhau vì những lí do tức cười như: nhìn đều, sĩ diện trước mặt bạn gái... Hiện nay, xu

hướng bạo lực học đường đang lan sang cả nữ sinh và ngày càng gia tăng. Sau đây là hình ảnh về việc bạo lực học đường của nữ sinh.



1. Bạo lực học đường

Bạo lực học đường hiện nay thực sự đang trở thành một mối lo lắng và quan tâm lớn của toàn xã hội. Thông thường khi nói tới hai từ “bạo lực” chúng ta chỉ nghĩ tới các bạn học sinh nam sinh đánh nhau, những người ưa thích dùng sức mạnh cơ bắp với người khác.....

Nhưng trên thực tế hiện nay cho thấy những hành vi bạo lực này không chỉ xảy ra ở các bạn nam mà còn ở không ít các bạn gái. Có rất nhiều vụ bạo lực học đường được quay thành clip và tung lên mạng như hiện nay.

Khi xem xong những đoạn clip như vậy thì không có ai có thể không bàng hoàng cũng như bức xúc và tức giận mà những đoạn video đó cũng chỉ là một góc rất nhỏ trong tình trạng bạo lực học đường hiện nay, ngoài xã hội thực chất vẫn còn vô vàn các vụ bạo lực mà có thể còn chưa được khai phá.

2. Đối tượng tham gia

Theo báo cáo của vụ học sinh sinh viên, viện khoa học giáo dục Việt Nam thì đối tượng tham gia đánh nhau là phần lớn học sinh cuối cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông. Đây là lứa tuổi mà sinh lý các em có nhiều biến đổi, suy nghĩ bông bột, thích tự mình giải quyết các mâu thuẫn, dễ bị bạn bè rủ rê lôi kéo.

3. Hình thức bạo lực

Trước đây bạo lực học đường chỉ xảy ra bình thường với các hình thức đơn giản như các hành động chửi bới hay xúc phạm lăng mạ, xỉ nhục hoặc trà đạp nhân phẩm, làm tổn thương về mặt tinh thần con người bằng những lời nói.

Hoặc một hình thức khác là đánh đập tra tấn trực tiếp lên thân thể khiến sức khỏe bị tổn hại, và việc bạo lực chỉ xảy ra qua các hành động đâm đá hoặc gây gộc. Nhưng hiện nay hình thức bạo lực học đường lại táo bạo hơn nhiều với những hung khí như dao kéo khiến khả năng thương tích lớn hơn gây ra xây xát, chảy máu, tinh thần hoảng loạn, chấn động tâm lý...

Ngoài ra thì nữ sinh cũng có hình thức bạo lực vô cùng chà đạp nhân phẩm đó chính là lột áo, quay clip để xỉ nhục..v.v..v

Đây cũng chính là một hồi chuông cảnh báo cho nên giáo dục trong nước hiện nay. Cần có những biện pháp giáo dục tốt hơn đối với các em học sinh.



II. Nguyên nhân

Xảy ra vì những lí do trực tiếp rất không đâu: nhìn đêu, nói móc, tranh giành người yêu,...

Sự phát triển thiếu toàn diện, thiếu hụt về nhân cách, thiếu khả năng kiểm soát hành vi ứng xử của bản thân, non nớt trong kĩ năng sống, sai lệch trong quan điểm sống.

Do ảnh hưởng của môi trường văn hóa bạo lực: phim, ảnh, sách, báo, đồ chơi mang tính bạo lực (kiếm, súng)



Sự giáo dục chưa đúng đắn, thiếu quan tâm từ gia đình; tình trạng bạo lực trong gia đình cũng là một phần nhân tố ảnh hưởng không tốt. Và một khi bạo lực gia đình còn tồn tại thì bạo lực gia đình sẽ tiếp tục gia tăng.

Sự giáo dục trong nhà trường: nặng nề dạy kiến thức văn hóa, đôi khi lãng quên nhiệm vụ giáo dục con người “tiên học lễ, hậu học văn”.



Xã hội thờ ơ, dửng dưng, buông xuôi, chưa có sự quan tâm đúng mức, những giải pháp thiết thực, đồng bộ, triệt để.

III. Hậu quả

1. Với nạn nhân

- Gây tổn thương về thể xác cũng như cả về tinh thần.
- Tổn hại gia đình, người thân, bạn bè người bị hại.
- Tạo tính bất ổn trong xã hội: tâm lí bất an bao trùm từ gia đình, nhà trường đến xã hội.



2. Người gây ra bạo lực

- Con người phát triển không toàn diện: phát triển ngược trở lại phía “con”, đi ngược lại tính “người” và mất dần nhân tính.
- Mầm mống của tội ác mất hết tính người sau này.
- Làm hỏng tương lai của chính mình, của xã hội.
- Khó khăn trong việc kết bạn hay tìm kiếm tình bạn.
- Bắt đầu hình thành những tính cách ngộ ngáo trong trường học cũng như ngoài đời.
- Tạo nên nhiều mâu thuẫn giữa con người với con người kể cả trong và ngoài trường học.
- Bị mọi người xa lánh, căm ghét.



IV. Biện pháp

1. Đối với bản thân các em

Cần cố gắng mở rộng năng cao nhận thức cho các em. Để các em ý thức về hành động và những hậu quả của hành động bạo lực đó. Trong tập thể lớp cần tổ chức các nhóm bạn đồng hành tương trợ như hình thức đôi bạn cùng tiến để nâng cao nhận thức hiểu biết tăng cường sự trao đổi khắc phục lẫn nhau cùng nhau học tập. Với những học sinh có cá tính mạnh có biểu hiện đầu gấu, chơi hội thì phải khoanh vùng phối hợp cùng gia đình và nhà trường uốn nắn phải biết lôi kéo các em vào các phong trào của lớp, tạo sân chơi cho các em đỡ nhàn chán tránh được sự phân biệt đối xử. Tổ chức nhiều sân chơi bổ ích để tạo sự gần gũi yêu thương con người. Tránh được sự thờ ơ vô cảm của mọi người trước những hành động bạo lực.

2. Vai trò của gia đình

Trong gia đình các bậc phụ huynh cần nhìn nhận cách giáo dục con trẻ. Lâu nay mọi người chỉ chú trọng đến kết quả học hành của con cái mà xem nhẹ việc các em nghĩ gì cần gì xử sự như thế nào với bạn bè. Thay vì để con cái có cuộc sống vật chất đầy đủ cha mẹ hãy là những người bạn đồng hành trong cả chặng đường làm người của con cái, không nên tạo cho con cái một cái vỏ bọc quá cứng nhắc sẽ gây lên tâm lý ỷ lại dựa dẫm chơi bời và hưởng thụ. Mọi người phải có thái độ phê phán lên án những hành vi thô bạo và phải có những biện pháp xử lý có tính chất rắn đẽ, để làm gương cho người khác.

3. Sự phối hợp của xã hội

Xã hội cần phải có những giải pháp đồng bộ chặt chẽ giáo dục con người trong gia đình nhà trường trong toàn xã hội, coi trọng dạy kỹ năng sống cho các em vươn tới những điều chân - thiện - mỹ.

V. Liên hệ bản thân

Cũng là những học sinh, chúng ta cần biết ngăn chặn và không tham gia bất kì các cuộc ẩu đả nào. Tránh xa hoặc báo cáo với người lớn hoặc công an khi thấy xảy ra để ngăn chặn kịp thời và tránh được các thương tích của người trong cuộc cũng như những người xung quanh. Hãy cố gắng giúp cho xã hội của chúng ta trở nên văn minh hơn.

Cám ơn cô giáo và các bạn đã đọc và lắng nghe. Tập thể nhóm 1 mong các bạn đã có những bài học bổ ích cho cuộc sống của mình.

--- HẾT ---

CHỦ ĐỀ: “NGƯỜI KHUYẾT TẬT”

Cuộc đời của mỗi người đều được sinh ra trong một môi trường, một hoàn cảnh khác nhau. Người may mắn thì có một cơ thể hoàn thiện, một số khác kém may mắn hơn, họ phải chấp nhận một cuộc đời, số phận đầy bi thảm, khi đã bị mất khi một phần nào đó trên cơ thể của chính bản thân mình.

1. Định nghĩa

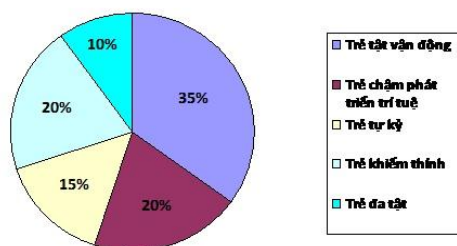
Như chúng ta đã biết, người khuyết tật là người có hoặc nhiều khiếm khuyết về thể chất hoặc tinh thần mà vì thế gây ra suy giảm đáng kể và lâu dài đến khả năng thực hiện các hoạt động, sinh hoạt hằng ngày. Khuyết tật bao gồm khiếm khuyết về vận động, thị giác, nói và nghe, chậm phát triển tinh thần, bệnh cảm xúc và những khiếm khuyết cụ thể về học tập, bại não, động kinh, teo cơ, ung thư, bệnh tim, tiểu đường, các bệnh lây và không lây như bệnh down, bệnh do HIV (có triệu chứng hoặc không có triệu chứng) .



2. Thực trạng

Hiện nay ước tính cả nước có khoảng 5,1 triệu người khuyết tật, chiếm 6% dân số. Trong đó có 1,1 triệu người khuyết tật nặng, chiếm 21.5% tổng số người khuyết tật. Bao gồm 29% khuyết tật vận động, 17% tật tâm thần, 14% tật thị giác, 9% tật thính giác, 7% tật ngôn ngữ, 7% tật trí tuệ, 17% các dạng tật khác. Tỷ lệ người khuyết tật nam cao hơn ở nữ. Đời sống vật chất tinh thần của người khuyết tật còn nhiều khó khăn. Có tới 80% người khuyết tật ở thành thị, 70% người khuyết tật ở nông thôn sống dựa vào gia đình, người thân, trợ cấp xã hội; 32.5% thuộc diện nghèo (cao gấp 2 lần so với tỷ lệ nghèo chung cùng thời điểm, 24% ở nhà tạm. Những khó khăn này cản trở người khuyết tật tiếp cận dịch vụ y tế, giáo dục, học nghề, tìm kiếm việc làm, tham gia giao thông, dẫn đến khó khăn trong cuộc sống, hòa nhập với cộng đồng.

BIỂU ĐỒ TỶ LỆ DẠNG KHUYẾT TẬT



(đối với trẻ em)

3. Nguyên nhân

Nguyên nhân gây nên tình trạng khuyết tật: khuyết tật khi phát triển, trong quá trình sinh gặp tổn thương, thương tích, tai nạn trong cuộc sống, dẫn đến mất một hoặc nhiều phần cơ thể. Chấn thương do chiến tranh, do di truyền hay do rối loạn nhiễm sắc thể. Khuyết tật bẩm sinh do ảnh hưởng trong quá trình mang thai bất thường của nhiễm sắc thể, chẳng hạn khi khiếm khuyết nhiễm sắc thể X và hội chứng Down, hay do ảnh hưởng của bố mẹ .



(chiến tranh)



(tai nạn)

Vì những khiếm khuyết trên cơ thể hay trí tuệ nên người khuyết tật thường có tâm lí trầm cảm, luôn thu mình, sống khép kín, ngại nên không giao tiếp với những người xung quanh. Tâm lí kì thị, xa lánh vẫn còn khá phổ biến trong xã hội nên nó cũng cản trở khi người khuyết tật muốn tham gia các hoạt động cùng cộng đồng như: học tập, giải trí, việc làm, hôn nhân ...

4. Khó khăn

4.1 Trong sinh hoạt hằng ngày

Những người khuyết tật gặp khó khăn, trở ngại trước tiên là ngay trong sinh hoạt hằng ngày. Họ không tự mình làm được những công việc sinh hoạt cá nhân như đánh răng, rửa mặt hay ngay cả khi tự đi lại trên chính đôi chân của mình (người khuyết tật liên quan đến vận động)...



4.2 Trong học tập

Trước tiên là về học tập, với những khiếm khuyết về cơ thể. Đặc biệt là những người có vấn đề liên quan đến trí tuệ hay mất đi cơ quan cảm giác (khiếm thính, khiếm thị). Việc tiếp thu tri thức của họ là vô cùng khó khăn. Họ cần một phương pháp học tập đặc biệt hay những sự đầu tư về cơ sở giáo dục.



4.3 Việc làm

Khó khăn trong học tập, cùng với khuyết tật ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng xin việc làm trong các công ty, xí nghiệp hay tổ chức cá nhân... Ngoài ra, một số công việc có đòi hỏi mà người khuyết tật khó thực hiện tốt được đối với thể lý dù kiến thức dư thừa. Cho nên, chúng ta cần nhìn ra khuyết tật hầu chọn việc, giao việc đúng với khả năng và phù hợp với khuyết tật của họ. Như thế, họ cảm thấy là

những người hữu dụng và trọng dụng hầu tự vươn lên và yêu người, yêu đời mà vui sống.



4.4 Hôn nhân

Ngày nay, còn rất nhiều người khuyết tật gặp nhiều cản trở trong tìm kiếm hạnh phúc lứa đôi. Người khuyết tật khó lập gia đình hơn người bình thường, điều này có nhiều nguyên nhân. Theo nguyên lý chung, con người có xu hướng lựa chọn bạn đời có bộ gen tốt. Cho nên, nhiều người cho rằng người khuyết tật chỉ nên kết hôn với người khuyết tật, chứ người lành sao kết hôn với người khuyết tật vì chứng sợ “gen xấu”. Đây là sự phân biệt không hề nhẹ. Hơn nữa, một người lành lặn thì gia đình nào cho con mình cưới người khuyết tật. Nhưng hãy nhớ rằng “tốt gỗ hơn tốt nước sơn” nếu đôi bạn có tình yêu chân thành xuất phát từ con tim thì dù khi thịnh vượng hay lúc gian nan, khi khuyết tật cũng như lành lặn, họ vẫn yêu nhau và hạnh phúc suốt đời. Ngược lại, nếu tình yêu đôi bạn dành cho nhau mà giả dối thì dù có lành lặn vẫn khổ, có thể gây khuyết tật tâm hồn và thể xác suốt đời nữa là khác.



5. Một vài ví dụ về người khuyết tật thành công

Tâm lý của khá đông người khuyết tật là mặc cảm, tự đánh giá thấp bản thân mình so với những người bình thường khác. Nhiều người khuyết rất nhạy cảm hay mặc cảm ngoại hình, tức là sự chú trọng quá mức đến khiếm khuyết cơ thể của mình đến nỗi chẳng muốn vươn lên, vượt qua và hòa nhập. Tuy nhiên điều này không phải luôn luôn đúng, người ta nhận thấy cũng có nhiều người khuyết tật nỗ lực tồn tại, vươn lên, vượt qua, hòa nhập, giao lưu, lập gia đình, sinh con cái như những người lành lặn. Họ coi khuyết tật như một “tai nạn” để rồi vượt lên chính mình. Có rất nhiều người khuyết tật thành công còn điển hình biết vượt lên chính mình, tạo động lực cho những người cùng cảnh ngộ học tập. Không những thế, họ còn cố gắng hết sức tạo điều kiện giúp đỡ những số phận kém may mắn như mình. Tấm gương người khuyết tật thành công trên thì phải kể đến Nick Vujicic người Úc, anh không có tứ chi nhưng có thể truyền cảm hứng sống cho hàng chục triệu người trên thế giới. Hay ngay tại trên đất nước Việt Nam, chị Nguyễn Thảo Vân là người khuyết tật đặc biệt nay hiệu là giám đốc trung tâm Nghị lực sống, nơi đào tạo và tìm việc làm cho các lao động người khuyết tật ngành Công nghệ thông tin.



6. Các việc làm giúp đỡ người khuyết tật

Chúng ta cần phải ra sức giúp đỡ những người khuyết tật thông qua những việc làm ý nghĩa như tổ chức các cuộc thi cho người khuyết tật tham gia các hoạt động xã hội từ đó tinh thần họ được cải thiện đáng kể. Nâng cao khả năng tiếp cận xã hội, hòa nhập cộng đồng là biện pháp cũng rất cần được chú ý. Tạo tâm lý thân thiện, quan tâm, chia sẻ với người khuyết tật sẽ giúp họ loại bỏ được những tâm lý e ngại, tự ti. Cần ưu tiên, đầu tư nghiên cứu và phát triển các công nghệ hỗ trợ cho

người khuyết tật như tạo ra các phần mềm giúp sử dụng máy tính, gậy dò đường cho người khiếm thị, máy trợ thính cho người khiếm thính ... Có nhiều người đã xây mái nhà tình thương, trung tâm việc làm, kêu gọi mọi người chung tay chia sẻ, giúp đỡ những người khuyết tật.

“Là một học sinh đang ngồi trên ghế nhà trường, lớp chúng em cũng đã góp một phần nhỏ bé vào việc giúp đỡ người khuyết tật như: mua tâm ủng hộ, mua bút, tham gia các hoạt động tình thương, giao lưu với những người khuyết tật thuộc trung tâm khuyết tật “Chiến công”, chính những điều nhỏ bé, giản dị này cũng góp phần nào giảm bớt bất hạnh của người khuyết tật, thể hiện bản chất truyền thống nhân đạo của người Việt Nam”.



Hãy chung tay, góp sức giúp những người khuyết tật, vì một xã hội phát triển và truyền thống “ Lá lành đùm lá rách “ của dân tộc Việt Nam!

b. Báo cáo các chủ đề tại phòng học của lớp



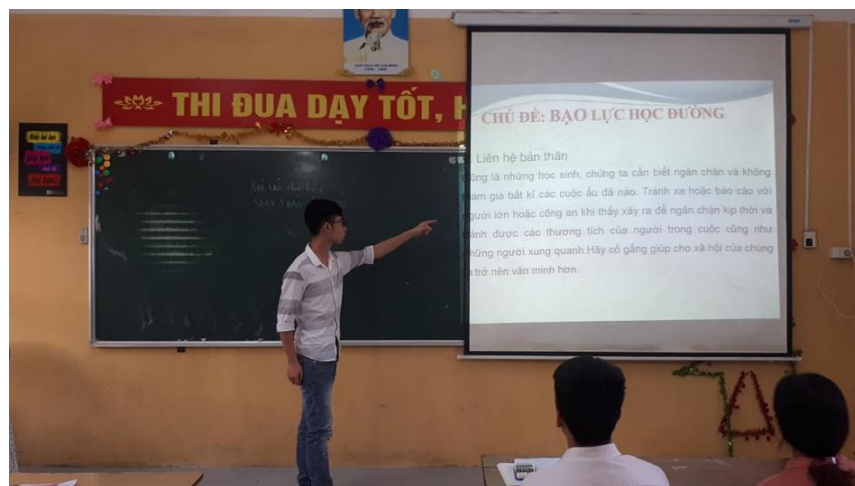
Học sinh báo cáo về chủ đề: “Thực phẩm bản – cơn ác mộng cần đến hồi kết”
Với chủ đề về “Thực phẩm bản – cơn ác mộng cần đến hồi kết” các em đưa ra 2 video với mong muốn trang bị cho các bạn trong lớp kỹ năng khi mua hàng hóa và

sự cần thiết của mỗi cá nhân trong việc “nói không với thực phẩm bẩn, thực phẩm kém chất lượng”.



Học sinh báo cáo chủ đề: “Tai nạn giao thông dịp tết Kỷ Hợi”

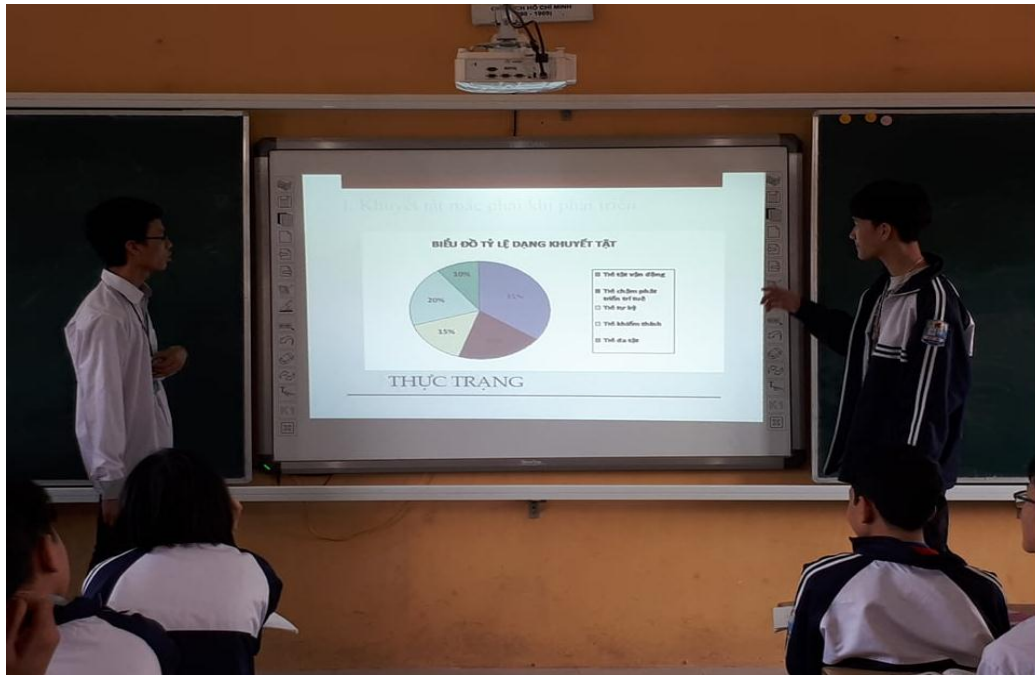
Với chủ đề “Tai nạn giao thông dịp tết Kỷ Hợi”, phân liên hệ bản thân ngoài việc mỗi học sinh hãy chấp hành tốt luật giao thông các em còn mong muốn các bạn trong lớp tích cực tham gia cuộc thi “Giao thông học đường” mà Đoàn trường triển khai để hiểu rõ hơn về luật giao thông Với chủ đề “Tai nạn giao thông dịp tết Kỷ Hợi”, phân liên hệ bản thân ngoài việc mỗi học sinh hãy chấp hành tốt luật giao thông các em còn mong muốn các bạn trong lớp tích cực tham gia cuộc thi “Giao thông học đường” mà Đoàn trường triển khai để hiểu rõ hơn về luật giao thông và tăng cường kỹ năng CNTT.



Học sinh báo cáo chủ đề: “Bạo lực học đường”

- Với các em cho rằng đó là những hành động bị phê phán và đáng bị lên án, thiếu lành mạnh. Khi có bạn hỏi tại sao các hình ảnh trên bài thuyết trình Powerpoint

và bài soạn thảo trên Word các hình ảnh đều không phải là ảnh thực, các em cũng có sự lý giải như trên.



Học sinh báo cáo chủ đề: “Người khuyết tật”

Nhóm cung cấp video cho rằng video nói về nhân vật “Thành” - một cô gái khuyết tật nhưng có nhiều nghị lực sống đáng để các em học tập.



Học sinh vấn đáp – phản biện nhóm bạn



Học sinh vấn đáp – phản biện nhóm bạn



Học sinh vấn đáp – phản biện nhóm bạn

Như vậy, có thể thấy hoạt động thực hành theo chủ đề tự chọn đã giúp các em có thêm nhiều kỹ năng CNTT cho mình mà hoạt động thực hành truyền thống không có được, cụ thể:

- Qua việc tìm kiếm, sưu tầm tài liệu cho chủ đề đã chọn các em có được kỹ năng tìm kiếm thông tin trên Internet;
- Qua việc tạo ra báo cáo về chủ đề các em biết sử dụng phần mềm Powerpoint;
- Qua việc nộp kết quả của nhóm ở từng giai đoạn thực hiện chủ đề bằng thư điện tử, học sinh có biết dùng thư điện tử để trao đổi thông tin;

- Qua việc tổ chức báo cáo về chủ đề và trả lời phản biện các em được hình thành kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy bản biện;
- Qua hoạt động nhóm tìm hiểu về chủ đề học sinh bước đầu có kỹ năng làm việc theo nhóm;
- Sau mỗi chủ đề các em rút ra được bài học cho mình.

Cách tổ chức hoạt động thực hành	Theo sáng kiến (thực hành theo chủ đề tự chọn)	Theo truyền thống
Các lợi ích, kỹ năng		
Soạn thảo văn bản	Được trang bị	Được trang bị
Tìm kiếm thông tin trên Internet	Được trang bị	Không
Tạo tệp trình chiếu Power point	Được trang bị	Không
Làm việc nhóm	Được trang bị	Không
Thuyết trình	Được trang bị	Không
Tư duy phản biện	Được trang bị	Không
Các bài học cho bản thân	Có bài học rút ra	Không

3.1.2 Hoạt động thực hành trên lớp

- Tôi đã thực hiện chia nhóm (nhóm 2 học sinh) các học sinh trong lớp phù hợp với số lượng máy tính, địa hình phòng máy tính đảm bảo trong nhóm có học sinh khá và học sinh còn yếu để các em hỗ trợ, giúp đỡ nhau trong học tập. Mỗi nhóm có một số thứ tự. Danh sách thành viên trong nhóm và số thứ tự của nhóm được giáo viên lưu lại.
- Ngoài các nội dung thực hành trong sách giáo khoa, tôi khuyến khích các em sưu tầm các câu chuyện mang tính chất giáo dục đạo đức học sinh; các câu chuyện vui, hài hước; các tác giả các em yêu thích trong văn học; các nhân vật lịch sử,... để

thực hành nội dung soạn thảo văn bản trong giờ thực hành.

- Tôi hỗ trợ các nhóm gặp khó khăn trong việc thực hành theo chủ đề khi học sinh yêu cầu.

- Tôi đã thiết kế “phiếu đề nghị thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện” phát cho các nhóm vào các tiết thực hành và tổ chức cho các nhóm tự đưa ra các yêu cầu cho nhóm bạn, theo dõi nhóm bạn thực hiện và đánh giá mức độ thực hiện của nhóm bạn (để học sinh có thể tham gia nhận xét, giúp đỡ, hướng dẫn, góp ý nhóm bạn ngay trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập). Cuối giờ thực hành, các nhóm sẽ nộp lại cho giáo viên. Tôi lấy phiếu đó để làm căn cứ đánh giá quá trình học tập của học sinh (theo đúng yêu cầu về đổi mới kiểm tra đánh giá trong dạy học theo định hướng phát triển năng lực) đồng thời biết được sự khó khăn của các nhóm từ đó có biện pháp hỗ trợ kịp thời.

PHIẾU ĐỀ NGHỊ THỰC HIỆN VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

NHÓM ĐỀ NGHỊ THỰC HIỆN: (ghi số thứ tự của nhóm)

(Kết quả: Tốt/Khá/ Đạt/ Chưa đạt)

Thứ tự	Nội dung yêu cầu thực hành	Nhóm thực hiện (ghi số thứ tự của nhóm)	Kết quả
1			
2			
3			
4			
5			

Với cách thức tổ chức hoạt động thực hành truyền thống như trước đây giữa các nhóm không có sự trao đổi, thảo luận, học sinh chưa có cơ hội tham gia, nhận xét góp ý cho nhóm bạn, học sinh chưa có cơ hội tự đánh giá, với hoạt động thực

hành trên lớp như trong sáng kiến học sinh được đưa ra yêu cầu cho nhóm bạn thực hiện, theo dõi nhóm bạn thực hiện và được đánh giá mức độ thực hiện của nhóm bạn. Cách tổ chức như trên đã góp phần đáp ứng được yêu cầu về đổi mới kiểm tra đánh giá quá trình học tập của học sinh đáp ứng yêu cầu về kiểm tra, đánh giá trong quá trình dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh, vì sự tiên bộ của học sinh.

Hoạt động	Cách tổ chức hoạt động thực hành	Theo sáng kiến (Hoạt động thực hành trên lớp)	Tổ chức theo truyền thống
Đưa yêu cầu thực hiện cho nhóm bạn		Có	Không
Theo dõi nhóm bạn thực hiện		Có	Không
Đánh giá mức độ thực hiện của nhóm bạn		Có	Không

3.2 Khả năng ứng dụng

Sáng kiến được áp dụng trong hoạt động thực hành đối với nội dung soạn thảo văn bản.

3.3 Lợi ích của sáng kiến

- Ngoài việc sử dụng các kiến thức đã học về soạn thảo văn bản, học sinh còn biết tìm kiếm thông tin trên Internet, tạo tệp trình chiếu trên Power point khi thực hiện tạo báo cáo về chủ đề, sử dụng thư điện tử để trao đổi thông tin với thầy/cô, bạn bè từ đó nâng cao kỹ năng CNTT.
- Qua quá trình thực hiện, tôi thấy học sinh hứng thú học tập tìm hiểu, có ý thức tự học hơn, phát huy năng lực CNTT, tăng cường sự sáng tạo, bồi dưỡng kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy phản biện.
- Giúp các em đoàn kết và biết chia sẻ giúp đỡ nhau, các em rất tự tin và hăng hái thể hiện thế mạnh của mình.
- Học sinh được đưa ra ý kiến, quan điểm của mình về các vấn đề đang được xã hội quan tâm.

- Tất cả các học sinh đều làm việc hạn chế hiện tượng ỷ lại, dựa dẫm.
- Đặc biệt là hoạt động thực hành trở nên sinh động, hấp dẫn hơn do các em được lựa chọn chủ đề thực hành, được bày tỏ quan điểm của mình về nội dung đó, các em rút ra được bài học cho bản thân, lợi ích, hạn chế của chủ đề mình chọn.

4. THỰC NGHIỆM

Tôi đang giảng dạy ở 4 lớp 10, trong đó có 2 lớp tôi không áp dụng thực nghiệm và 2 lớp áp dụng thực nghiệm. Kết quả như sau:

4.1 Kết quả điều tra về mức độ hứng thú của các em với hoạt động thực hành nội dung Microsoft Word

- Lớp không áp dụng thực nghiệm:

Lớp	Mức độ hứng thú của học sinh			
	Rất hứng thú	Hứng thú	Bình thường	Không hứng thú
10A5	12 %	25,5%	47,5%	15%
10A6	15 %	18,5%	46,5%	20%

Bảng 2: Khảo sát về mức độ hứng thú của học sinh với hoạt động thực hành – lớp không áp dụng thực nghiệm

- Lớp áp dụng thực nghiệm:

Lớp	Mức độ hứng thú của học sinh			
	Rất hứng thú	Hứng thú	Bình thường	Không hứng thú
10A1	25 %	45,5%	27,5%	2%
10A8	22 %	32,5 %	36,5 %	9%

Bảng 3: Khảo sát về mức độ hứng thú của học sinh với hoạt động thực hành – lớp thực nghiệm

4.2 Kết quả điều tra về kỹ năng sử dụng CNTT trước và sau khi thực hiện hoạt động thực hành theo chủ đề tự chọn

- Trước khi thực hiện sáng kiến:

Lớp	Số số	Một số kỹ năng CNTT		
		Gửi/ nhận thư điện tử	Sử dụng Powerpoint	Tìm kiếm thông tin trên Internet
10A1	45	5	7	13
10A8	40	2	2	7

Bảng 4: Một số kỹ năng CNTT của học sinh trước khi áp dụng sáng kiến

- Sau khi thực hiện sáng kiến:

Lớp	Số số	Một số kỹ năng CNTT		
		Gửi/ nhận thư điện tử	Sử dụng Powerpoint	Tìm kiếm thông tin trên Internet
10A1	45	17	15	45
10A8	40	9	8	32

Bảng 5: Một số kỹ năng CNTT của học sinh sau khi áp dụng sáng kiến

4.3 Kết quả thử nghiệm với bài kiểm tra thực hành

Tôi đã thử nghiệm trên 2 lớp có lực học tương đương năm 2018 – 2019 kết quả như sau như sau:

+ Kết quả bài kiểm tra 45 phút ở lớp đối chứng

Lớp	Số số	Điểm từ 8 đến 10		Điểm từ 6,5 đến dưới 8		Điểm từ 5 đến dưới 6,5		Điểm dưới 5	
		Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
10A5	36	7	19,44%	16	44,44%	11	30,56%	2	5,56%
10A6	32	4	12,5%	11	34,38%	12	37,5%	5	15,62%

Bảng 6: Kết quả kiểm tra 45 phút của lớp đối chứng

+ Kết quả bài kiểm tra 45 phút ở lớp thực nghiệm

Lớp	Số số	Điểm từ 8 đến 10		Điểm từ 6,5 đến dưới 8		Điểm từ 5 đến dưới 6,5		Điểm dưới 5	
		Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
10A1	45	35	77,78%	7	15,55%	3	6,67%	0	0%
10A8	40	19	47,5%	14	35%	7	17,5%	0	0%

Bảng 7: Kết quả kiểm tra 45 phút của lớp thực nghiệm

Nội dung sáng kiến này đã được tôi triển khai trong quá trình giảng dạy hoạt động thực hành nội dung soạn thảo văn bản. Tôi thấy rằng các em rất hứng thú, tích cực tham gia thực hành. Các em đã biết vận dụng các kiến thức đã học vào thực tế, nâng cao kết quả học tập và tăng cường kỹ năng sử dụng CNTT của bản thân.

PHẦN III. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. KẾT LUẬN

Đổi mới phương pháp dạy học là việc làm cần thiết xuất phát từ yêu cầu của sự phát triển kinh tế, xã hội. Học sinh được học thông qua thực hành trải nghiệm nên tăng cường tính tự học. Học sinh được học trong những giờ học thực sự có ý nghĩa thay cho thụ động lắng nghe, ghi chép, truyền thụ một chiều, mang tính áp đặt như trước đây.

Trên đây là một số sáng kiến nhỏ của cá nhân tôi trong quá trình giảng dạy hoạt động thực hành môn Tin học lớp 10. Tôi cũng đã vận dụng vào giảng dạy ở một số lớp và thấy rằng các em hứng thú học tập hơn hẳn, vận dụng kiến thức nhanh hơn, hăng hái nhiệt tình hơn trong học tập và nâng cao kỹ năng CNTT.

Đề tài được vận dụng rộng rãi sẽ góp phần đem lại những hiệu quả nhất định trong công tác giảng dạy bộ môn và trở thành phương pháp giảng dạy hữu hiệu cho môn Tin học với hình thức đổi mới kiểm tra đánh giá và tăng cường thực hành và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

Tuy nhiên, do thời gian nghiên cứu còn hạn chế, nên đề tài không tránh khỏi những thiếu sót và có thể còn chưa trọn vẹn. Tôi rất mong được sự chia sẻ, góp ý của các đồng nghiệp và các em học sinh.

2. KHUYẾN NGHỊ

Đối với giáo viên: Cần không ngừng học hỏi để nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm; vận dụng linh hoạt các kỹ thuật dạy học tích cực vào các tiết dạy; nghiên cứu để lồng ghép, liên hệ những vấn đề xã hội vào dạy học bộ môn qua đó giáo dục đạo đức học sinh.

Đối với nhà trường: Cần có sự động viên nhiều hơn nữa trong phong trào học tập nghiên cứu viết và áp dụng sáng kiến trong hoạt động giảng dạy hằng ngày.

Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo: Với các sáng kiến hay, chúng tôi và nhiều đồng nghiệp mong rằng Sở GD và ĐT có biện pháp để các sáng kiến đó không chỉ

là kinh nghiệm của riêng tác giả/nhóm tác giả mà còn được nhiều đồng nghiệp khác biết đến và áp dụng.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

"Tôi xin cam đoan đây là sáng kiến kinh nghiệm của bản thân tôi viết, không sao chép nội dung của người khác."

Hưng Yên, tháng 3 năm 2019

Người viết

Đinh Thị Miên

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ giáo dục và đào tạo – "SGK Tin học 10" - NXBGD .
- [2]. Bộ giáo dục và đào tạo – "Sách bài tập Tin học 10" - NXBGD .
- [3]. Bộ giáo dục và đào tạo – Tài liệu tập huấn: “Dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả học tập theo định hướng phát triển năng lực học sinh – môn Tin học - 2014.
- [4]. Bộ giáo dục và đào tạo – Tài liệu tập huấn: “Phương pháp và kỹ thuật tổ chức hoạt động học theo nhóm và hướng dẫn học sinh tự học” – môn Tin học – 2017.
- [5]. Luận văn thạc sĩ sư phạm lịch sử – Nguyễn Thị Yến – 2016

XÁC NHẬN CỦA HỘI ĐỒNG KHOA HỌC

TRƯỜNG THPT ĐỨC HỢP

Tổng điểm:..... Xếp loại:.....

T.M HỘI ĐỒNG KHOA HỌC

CHỦ TỊCH – HIỆU TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)